TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM
----- * -----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2018/HNGĐ-ST
Ngày : 21-6-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Thanh.
2. Bà Huỳnh Thị Bích Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mận - Cán bộ Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn K, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Khối phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.
2. Bị đơn: Chị Phạm Hoài T, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.
Anh K có mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Hoài T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian chung sống, vợ chồng anh chị không hạnh phúc do chị T có quan hệ bất chính bên ngoài. Dù đã hết lời khuyên can nhưng chị T vẫn không thay đổi, thường xuyên bỏ nhà ra đi với người đàn ông khác. Đến nay, xét thấy không còn tình cảm gì với chị T nữa. Mâu thuẫn gia đình đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng anh chị đã sống ly

thân gần 01 năm nay. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Phạm Hoài T.

Về con chung: Vợ chồng anh K, chị T có 01 con chung tên là Trần Bảo K, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Hiện nay cháu K đang được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh K có nguyện vọng nhận nuôi cháu K và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K thì anh đồng ý và anh cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 22-5-2018 bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn K kết hôn vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nguyên nhân là do anh K ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với gia đình, bỏ bê vợ con. Dù chị đã hết lời khuyên can nhưng anh K không những không thay đổi mà còn đánh đập chị. Vì vậy, chị đã bồng con bỏ về nhà mẹ ruột. Do đó chị đồng ý yêu cầu ly hôn của anh K. Về con chung, có một cháu tên là Trần Bảo K, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự là bị đơn chưa thực hiên đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T là bị đơn trong vụ án vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Phạm Hoài T.

2/ Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Phạm Hoài T tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh K chị T xảy ra mâu thuẫn do chị T có quan hệ bất chính bên ngoài, anh K ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân gần một năm nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án thông báo để vợ chồng anh K chị T hòa giải nhằm đoàn tụ gia đình, nhưng chị T không phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Chị T không tham gia hòa giải, không quan tâm và không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy đã thể hiện không xem trọng cuộc hôn nhân của vợ chồng. Hơn nữa, trong bản tự khai chị T đã thể hiện nguyện vọng được ly hôn với anh K. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh K chị T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của anh K.

- Về con chung: Anh K và chị T có 01 con chung tên là Trần Bảo K, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013. Anh K có nguyện vọng nhận nuôi cháu K, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, trong trường hợp chị T có nguyện vọng nuôi con thì anh K thống nhất và không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*". Hiện nay cháu K đang được chị T nuôi dưỡng, chị T có nguyện vọng được nhận nuôi cháu K và anh K cũng thống nhất giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do đó, giao cháu Trần Bảo K, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp yêu cầu và nguyện vọng của các bên. Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh K, chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh K phải chịu theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn K.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K ly hôn với chị Phạm Hoài T.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Bảo K, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh K không cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Anh Kha có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được phép cản trở quyền này. Khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về chia tài sản: Anh K, chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh K phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số J025229 ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Anh K đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21-6-2018). Bị đơn vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND P A;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trình Minh Hùng